TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HS-PT
Ngày 30 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Diệu và ông Dương Viết Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên toà công khai xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 39/2024/HS-PT ngày 19 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo Võ Thị M, Võ Kim S, Trần Ngọc L, Phạm Thị Th, Đinh Thị Ư do có kháng cáo của các bị cáo và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2024/HSST ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

1. Bị cáo có kháng cáo: **Võ Thị M**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 28/07/1988 tại xã Th, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn Ph, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Võ Văn Ph, sinh năm 1941 và bà: Nguyễn Thị L (đã chết); chồng: Ngô Văn Đ, sinh năm 1987; con: Có 01 con, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/09/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo có kháng cáo: **Võ Kim S**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 12/09/1992 tại huyện L, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn N, xã D, huyện L, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Võ Văn Th, sinh năm 1968 và bà: Phạm Thị L, sinh năm 1971; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/4/2023 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo có kháng cáo: **Trần Ngọc L**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 20/11/1999 tại huyện L, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn Đ, xã D, huyện L, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Trần Văn Th, sinh năm 1962 và bà: Hồ Thị D, sinh năm 1972; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/10/2023 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị: **Phạm Thị Th**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 30/10/2003 tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hrê; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Phạm Văn S (đã chết) và bà: Phạm Thị Th, sinh năm 1986; chồng: Không có; con: Có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/9/2023 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

5. Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị: **Đinh Thị Ư**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 19/12/2002 tại xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hrê; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Đinh Văn H, sinh năm 1973 và bà: Đinh Thị R, sinh năm 1975; chồng: Không có; con: Có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/9/2023 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

Vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 18 tháng 04 năm 2023, Trần Văn T, Lê Văn Ch, Trần Ngọc L, Võ Kim S và Nguyễn Văn L1 cùng nhậu tại nhà Lê Văn Ch thuộc Thôn Đ, xã D, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Do L1 say nên về trước. Sau khi nhậu xong, S rủ Ch, L và T đi hát karaoke thì cả nhóm đồng ý. Ch bảo S là Ch không có tiền thì Snói sẽ chịu thêm phần của Ch và Ch không phải góp tiền. S nói với L và T là đi hát karaoke chay thì không vui, T, L hiểu ý của Sinh nói là đi karaoke có sử dụng ma túy nên đồng ý và thống nhất với nhau để đi hát karaoke và sử dụng ma túy. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày Trần Văn T gọi điện thoại cho Võ Thị M (chủ quán karaoke Dubai) để đặt phòng hát và hỏi M "có hàng không" tức là có ma túy không, M trả lời T "cứ qua quán đi". Ngay sau đó, T chở L qua quán karaoke Dubai, trên đường đi L bảo T là L không có tiền, T liền nói T sẽ trả cho L trước rồi L trả lại T sau, L đồng ý. Khi đến quán karoke Dubai ở Thôn Ph, xã H, Lệ Thủy, Quảng Bình, T hỏi M để mua 03 (ba) viên ma túy dạng kẹo và hai (02) chỉ ma túy dạng ketamine nhưng Mến không có, sau đó Mến liên lạc với Trần Thị Lệ Gi thông qua tài khoản mạng xã hội Zalo có tên hiển thị là (Trần Ty), hỏi mua ma túy cho T với giá 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Gi đồng ý và nói chuyển tiền mua ma túy vào tài khoản ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội (MBank) số 9456789888999. Sinh đưa 4.000.000đồng (bốn triệu đồng) tiền mặt cho T và T đưa số tiền này cho M. M đã dùng tài khoản ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Viettinbank) của Mến số 109600585586 chuyển số tiền

4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) vào tài khoản ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) số 1016653575 của T. T chuyển số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) cho Gi. Sau khi T chuyển tiền vào số tài khoản của Gi, M bảo T cùng S, L, Ch lên phòng VIP 5, tầng 2 của quán karaoke và gọi Đinh Thị H, Hà Thị H1, Đinh Thị U, Phạm Thị Th lên phòng hát VIP 5 tầng 2, sau đó M vào gọi Ngô Văn Đ (chồng của M) trông quán để M đi gội đầu. Một lúc sau Nguyễn Văn L1 cùng đến phòng VIP 5. Trong lúc cả nhóm đang hát thì Ngô Văn Đ vào gọi T xuống có người gặp, T xuống gặp Trần Thị Lệ Gi đang ngồi trong xe taxi và lấy số ma túy mà Mến đã đặt mua cho Tú rồi quay lại vào quán. T lấy 01 đĩa sứ màu trắng, 02 thỏi kẹo cao su (singum), 01 chai dầu phật linh, 01 bật lửa, 01 thẻ SIM và 01 cuộn giấy để trên bàn lễ tân mang vào phòng hát VIP 5. S thấy thẻ nhựa mà T mang vào bị hỏng nên S lấy ra 01 thẻ nhựa để lên bàn. T lấy 02 viên ma túy dạng kẹo thả vào 02 ly bên trong có chứa nước ngọt Cocacola, để mọi người cùng uống. T đưa cho S và H 01 ly, T cùng với Linh, Th 01 ly. Còn 01 viên ma túy dạng kẹo còn lại thì T đưa cho Ch và H1 sử dụng chung. Sau đó, T và Đinh Thị Ư mang ma túy ketamine vào nhà vệ sinh trong phòng hát VIP 5, Ươn cầm đĩa sứ dùng bật lửa đốt nóng đĩa sứ, còn Tú đổ ketamine ra đĩa cả hai thay nhau xào, đồng thời Th bảo mọi người trong phòng hát cho mượn 01 tờ tiền polime để làm ống hút thì S đưa 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng nhưng lúc này Th thấy 01 ống hút được làm bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cố định bằng 03 vỏ của điếu thuốc lá bằng giấy màu vàng tại vị trí bên cạnh ti vi trong phòng hát VIP 5, Th lấy ra để mọi người làm ống hút sử dụng ma túy. Sau khi xào xong, Ư cầm đĩa sứ đựng ma túy ra khu vực hát karaoke rồi dùng thẻ nhựa chia ma túy thành nhiều đường nhỏ trên bề mặt đĩa để trên bàn phòng hát VIP 5. Tú, Ch, L, S, L1, H, H1 và Th dùng ống hút do Th đưa ra để hít từng đường ma túy qua đường mũi vào cơ thể. Khoảng 16 giờ 55 phút cùng ngày, trong lúc cả nhóm đang sử dụng trái phép chất ma túy, thì Đội cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và ma túy Công an huyện Lệ Thủy phối hợp với Công an xã Hưng Thủy tiến hành kiểm tra và phát hiện lập biên bản quả tang, tạm giữ vật chứng gồm: 01 đĩa làm bằng sứ màu trắng, dạng tròn, đường kính 23,3 cm, trên bề mặt đĩa sứ có lượng chất màu trắng, lượng chất màu trắng trên bề mặt đĩa sứ được cho vào 01 túi nilon trong suốt màu trắng dạng túi có khóa zip, kích thước (6 x 9)cm: 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam được cuốn thành ống được cố định bằng 3 vỏ của điếu thuốc lá bằng giấy màu vàng; 1 thẻ nhựa kích thước (8,6 x 5,5)cm, trên thẻ có chữ nước ngoài và dòng số, chữ “TSUBOI CLINIC”, “N0.28615”, “0561-55-7911”; 01 túi nilon trong suốt màu trắng dạng túi có khóa zip, bề mặt túi có bám dính chất bột màu trắng, túi kích thước (2,5 x 2,5) cm; 01 bật lửa nhãn hiệu HOA VIỆT vỏ bằng nhựa; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu vàng trong điện thoại lắp sim số 0869533073.

Tại bản kết luận giám định số 380/KL-KTHS ngày 26 tháng 4 năm 2023, Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Chất rắn màu trắng chứa trong 01 túi nilon trong suốt, dạng túi có khóa zip kích thước (06 x 09)cm được thu giữ trên bề mặt 01 (một) đĩa sứ hình tròn, đường kính 23,3cm màu trắng để trên bàn trong

phòng VIP5 quán Karaoke Dubai là chất ma túy, loại Ketamine, khối lượng 0,291g (không phẩy hai trăm chín mươi mốt gam); chất rắn màu trắng bám dính trên bề mặt 01 (một) đĩa sứ hình tròn màu trắng, đường kính 23,3cm, 01 (một) tờ tiền mệnh giá 10.000 (mười nghìn) đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được cuốn thành ống, được cố định bằng 03 (ba) vỏ của điếu thuốc lá bằng giấy màu vàng, 01 (một) túi nilon trong suốt, dạng túi có khóa zip, kích thước (2,5 x 2,5) cm, 01 (một) thẻ nhựa kích thước (8,6 x 5,5)cm, trên thẻ có chữ nước ngoài và dòng số, chữ "TSUBOI CLINIC", "N0.28615", "0561-55-7911" đều là chất ma túy, loại Ketamine, không xác định khối lượng (do lượng mẫu quá ít). Ketamine nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự: 40, Danh mục III, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ.

Vật chứng: Cơ quan Điều tra đã tạm giữ gồm: 01 (một) đĩa làm bằng sứ màu trắng, dạng tròn, đường kính 23,3cm, trên bề mặt đĩa sứ có lượng chất màu trắng, lượng chất màu trắng trên bề mặt đĩa sứ được cho vào 01 túi nilon trong suốt màu trắng dạng túi có khóa zip kích thước (6 x 9)cm có khối lượng 0,291 gam loại Ketamine (sau giám định còn lại 0,2 gam Ketamine); 01 (một) tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng (mười nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được cuốn thành ống, được cố định bằng 03 (ba) vỏ của điếu thuốc lá bằng giấy màu vàng; 01 (một) thẻ nhựa kích thước (8,6 x 5,5)cm, trên thẻ có chữ nước ngoài và dòng số, chữ "TSUBOI CLINIC", "N0.28615", "0561-55-7911"; 01 túi nilon trong suốt màu trắng dạng túi có khóa zip bề mặt túi có bám dính chất bột màu trắng, túi kích thước (2,5 x 2,5)cm; 01 (một) bật lửa nhãn hiệu HOA VIỆT vỏ bằng nhựa; 03 điện thoại di động. (Tất cả có đặc điểm mô tả như biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử). Các vật chứng tiếp tục tạm giữ chuyển đến Chi Cục thi hành án dân sự để bảo quản.

Tại bản Cáo trạng số 80/CT-VKSNDLT ngày 30/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy truy tố các bị cáo Võ Kim S, Trần Văn T, Trần Ngọc L, Đinh Thị Ư, Phạm Thị Th về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Võ Thị M về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy", theo điểm d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Thị Lệ Gi về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2024/HSST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy đã Quyết định:

Tuyên bố bị cáo Võ Thị M phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy"; các bị cáo Võ Kim S, Trần Văn T, Trần Ngọc L, Đinh Thị Ư và Phạm Thị Th phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; bị cáo Trần Thị Lệ Gi phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, Điều 38, các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Võ Thị M 01 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256, Điều

38, các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Thị M 06 năm tù về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy". Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Võ Thị M phải chấp hành hình phạt chung là 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 12/9/2023.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 38, các điểm s, t khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Võ Kim S 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 19/4/2023;

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 19/4/2023.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc L 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 21/10/2023;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Th 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 12/9/2023;

Xử phạt bị cáo Đinh Thị Ư 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 12/9/2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị Lệ Gi 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 12/9/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Trong hạn luật định:

- Ngày 18/3/2024 các bị cáo Võ Thị M, Trần Ngọc L, Phạm Thị Th, Đinh Thị Ư có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 27/3/2024 bị cáo Võ Kim S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

- Ngày 12 tháng 4 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 608/QĐ-VKSQB kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2024/HS-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình về phần hình phạt. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm vụ án để sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt đối với hai bị cáo Đinh Thị Ư và Phạm Thị Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Võ Thị M và Võ Kim S rút toàn bộ kháng cáo; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình giữ nguyên Quyết định kháng nghị.

Các bị cáo Trần Ngọc L, Phạm Thị Th và Đinh Thị Ư giữ nguyên kháng cáo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Bản án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên phạt các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố

tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Võ Thị M và Võ Kim S;

- Áp dụng điểm Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo L.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo và toàn bộ Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2024/HS-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình về phần hình phạt, xử phạt bị cáo Đinh Thị Ư từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù; xử phạt bị cáo Phạm Thị Th từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với Đại diện viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa các bị cáo Võ Thị M, Võ Kim S rút toàn bộ kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 342, Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận việc rút kháng cáo của bị cáo M, bị cáo S và Đình chỉ xét xử phúc thẩm, Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HSST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 30/5/2024 đối với bị cáo Võ Thị M và Võ Kim S.

Về đơn kháng cáo của Trần Ngọc Lh, Phạm Thị Th, Đinh Thị Ư làm trong thời hạn luật định; Quyết định Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình trong thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong vụ án này có ông Hoàng Minh T, trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình là người bào chữa cho bị cáo Đinh Thị Ư và Phạm Thị Th vì hai bị cáo người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc diện trợ giúp pháp lý. Tuy nhiên các bị cáo Ư và Th chỉ yêu cầu ông T bào chữa ở giai đoạt xét xử sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo tự mình bào chữa không yêu cầu người bào chữa.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Ngọc L, Phạm Thị Th, Đinh Thị Ư đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng truy tố và bản án sơ thẩm đã xét xử. Do đó có đủ cơ sở xác định: Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2024/HS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc L, Đinh Thị Ư và Phạm Thị Th về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo: Trần Ngọc L, Phạm Thị Th và Đinh Thị Ư, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo là người trưởng thành, có nhận thức nhất định về pháp luật, các bị cáo phải biết việc mua bán, vận chuyển, tàng

trữ, sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào đều bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do ý thức coi thường pháp luật, ăn chơi đua đòi sa vào con đường nghiện ma túy nên các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa phúc thẩm gia đình bị cáo cung cấp Bằng khen, Huân, huy chương kháng chiến của ông bà nội bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 07 năm tù ngang mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo Ư và Th và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Ư và Th, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo Ư và Th là đồng phạm với vai trò giúp sức đơn giản. Mặt khác, các bị cáo Ư và Th là người dân tộc thiểu số (dân tộc Hrê), khả năng nhận thức về pháp luật hạn chế. Các bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn và thật sự tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo mặc dù phạm tội rất nghiêm trọng nhưng đây là lần đầu phạm tội và các bị cáo khi phạm tội có vị trí, vai trò thứ yếu, không đáng kể trong vụ án có đồng phạm, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo 07 năm tù là có phần nghiêm khắc nên có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình và chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ư và Th để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất nhất của khung phạt nhưng trong khung hình phạt liền kề, nhằm thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội với người dân tộc thiểu số, biết ăn năn hối cải.

Từ những nhận định trên. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Ngọc L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình về phần hình phạt; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Th, Ư và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo Ư và bị cáo Th.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo L không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Kháng cáo của bị cáo Ư, Th được chấp nhận nên bị cáo Ư và bị cáo Th không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Các bị cáo M, S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 355, Điều 356; Điều 357; Điều 342, Điều 348; khoản 2 các Điều 135, Điều 136; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Võ Thị M và bị cáo Võ Kim S, Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 30/5/2024 đối với bị cáo Võ Thị M và bị cáo Võ Kim S.

2. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Ngọc L. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Ngọc L;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc L 07 (Bảy) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 21/10/2023.

3. Chấp nhận chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình và chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Th và Đinh Thị Ư về phần hình phạt. Sửa Bản án sơ thẩm số 17/2024/HS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình về phần hình phạt đối với các bị cáo Đinh Thị Ư, Phạm Thị Th.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 38, điểm s, i khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Th 04 (Bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 12/9/2023;

Xử phạt bị cáo Đinh Thị Ư 04 (Bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 12/9/2023.

Quyết định tạm giam các bị cáo Võ Thị M, Võ Kim S, Trần Ngọc L, Phạm Thủy Th, Đinh Thị Ư với thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm để đảm bảo cho việc thi hành án, có quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử đối với từng bị cáo.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Ngọc L phải chịu 200.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo Võ Thị M, Võ Kim S, Đinh Thị Ư và Phạm Thị Th không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 30 tháng 5 năm 2024).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Vụ GĐKT I – TANDTC;
- TAND huyện Lệ Thủy;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- Công an huyện Lệ Thủy;
- Phòng HSNVCS CAQB;
- Sở Tư pháp Quảng Bình;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ, Tòa HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn